

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN LẮK
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích Phân theo đơn vị hành chính										
				TT Liên sơn	Xã Bông Krang	Xã Yang Tao	Xã Đăk Liêng	Xã Buôn Tría	Xã Buôn Triết	Xã Đăk Phoi	Xã Đăk Nuê	Xã Ea Rbin	Xã Krông Nô	Xã Nam Ka
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	196,5	18,3	61,2	21,4	4,4	15,9	18,1	1,0	53,5	1,8	0,5	0,4
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	22,5	3,1	2,5	1,2	0,6	10,7	3,3	0,1	0,3	0,8	0,1	0,1
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>21,9</i>	<i>3,1</i>	<i>2,5</i>	<i>1,1</i>	<i>0,6</i>	<i>10,6</i>	<i>3,2</i>		<i>0,2</i>	<i>0,7</i>		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	30,7	4,0	2,4	0,7	0,3	2,3	4,1	0,5	15,4	0,7	0,2	0,2
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	68,6	10,1	0,5	2,0	3,5	2,9	10,7	0,5	37,8	0,4	0,2	0,2
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	74,3	1,1	55,8	17,4								
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,3		0,1	0,1		0,1	0,1					
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp													
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT												

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.